TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST
Ngày 26 tháng 01năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân: Bà Bùi Thị Bích Liên và bà Đỗ Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên:Nguyễn Hồng S (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 07/8/1995; nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn H, huyện D, tỉnh P; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; nghề ngH2: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; bố đẻ: Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; mẹ đẻ: Trần Thị T, sinh năm 1969; vợ Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1996 (Bố, mẹ, vợ đều là lao động tự do ở thị trấn H, huyện D, tỉnh P); con: Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: Trần Văn T (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 06/6/1991; nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn H, huyện D, tỉnh P; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; nghề ngH2: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt N. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P có văn bản gửi đến Huyện uỷ D đề nghị đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Trần Văn T theo quy định ngay sau khi ban hành cáo trạng truy tố đối với T; bố đẻ: Trần Ngọc N, sinh năm 1967; mẹ đẻ: Trần Thị M, sinh năm 1972; vợ: Bùi Thị H, sinh năm 1998; con: Có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC ngày

25/01/2014 Công an huyện D đã xử phạt T 1.000.000đ về hành vi đánh bạc. Ngày 19/02/2014, T đã nộp phạt xong. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn H (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 20/3/1991; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện D, tỉnh P; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; nghề ngH2: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; bố đẻ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (đã chết); mẹ đẻ: Lê Thị L, sinh năm 1968; vợ: Trần Thị T, sinh năm 1995; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 62/QĐ-XPHC ngày 20/7/2012 của Công an huyện D xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn Hoà về hành vi đánh bạc, mức phạt 2.000.000đ. Ngày 23/7/2012, Hoà đã nộp phạt xong. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 30/7/1998; nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn H, huyện D, tỉnh P; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; nghề ngH2: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; bố đẻ: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; mẹ đẻ: Nguyễn Thị H sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lê Văn H1 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 30/10/1987; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố G, thị trấn H, huyện D, tỉnh P; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; nghề ngH2: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12. bố đẻ: Lê Văn L, sinh năm 1963; mẹ đẻ: Trần Thị L, sinh năm 1963; Vợ: Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1987 (Bố, mẹ, vợ đều ở tại tổ dân phố G, thị trấn H, huyện D, tỉnh P); con: Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Họ và tên: Lê Thanh H2 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 10/02/1992; nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn H, huyện D, tỉnh P; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; nghề ngH2: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12. bố đẻ: Lê Xuân T, sinh năm 1960; mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; vợ: Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1993 (Bố, mẹ, vợ đều ở tại tổ dân phố G, thị trấn H, huyện D, tỉnh P); con: Có 03 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Họ và tên: Nguyễn Phương N (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 07/02/1997; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện D, tỉnh P; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: N; nghề ngH2: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; bố đẻ: Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; mẹ đẻ: Đỗ Thị T, sinh năm 1964 (Bố,

mẹ đều ở B, xã Đ, huyện D, tỉnh P); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 15h00'ngày 25/7/2021, Nguyễn Hồng S đang ở quán Game của S ở tổ dân phố Me, thị trấn H, huyện D, tỉnh P thì có Nguyễn Văn H đến quán Game của S để chơi Game và chơi điện tử. Sau đó lần lượt có Lê Văn H1, Trần Văn T, Nguyễn Văn Đ và Lê Thanh H2 đều trú tại tổ dân phố G, thị trấn H, huyện D, tỉnh P cũng đến chơi với S tại quán Game. Ngồi chơi ở phòng máy một lúc thì S, H1, T, Đ, H2 rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng", thắng thua tính bằng tiền, rồi cùng nhau đi vào trong phòng ngủ của quán game, ngồi xuống tấm thảm xốp đã trải sẵn dưới nền nhà, lấy một bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn trên thảm để đánh bạc. H đi vào trong phòng ngủ của quán game thấy các đối tượng đánh "Liêng" nên H cũng tham gia đánh cùng. Các đối tượng thống nhất mức đặt cửa (tiền gà) thấp nhất là 50.000đ, tố cao nhất không được vượt quá 300.000đ, mỗi ván tiền gà phải đặt ngay trước vị trí ngồi.

Hình thức chơi Liêng như sau: Sáp là to nhất, sau đó đến Liêng, rồi đến Ảnh và cuối cùng là cộng điểm. Người chia bài là người thắng ván trước. Mỗi ván mỗi người sẽ được chia 3 quân bài trong bộ tu lơ khơ 52 quân. Nếu ai được Sáp là 3 lá bài cùng đơn vị thì thắng người còn lại. Nếu ai được Liêng là 3 lá bài có đơn vị liên tiếp nhau thì sẽ thắng. Nếu ai được Ảnh là 3 lá bài hình đầu người (J, Q, K) thì sẽ thắng. Sau cùng là tính điểm, người chơi sẽ cộng 3 lá bài rồi lấy chữ số hàng đơn vị của tổng đó làm điểm của mình, ai điểm cao hơn thì sẽ thắng (K tính 13 điểm, Q tính 12 điểm, J tính 11 điểm, A tính 1 điểm), cao nhất 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm (nếu Liêng và điểm bằng nhau thì so chất theo thứ tự Cơ, Rô, Tép, Bích).

Các đối tượng S, Hoà, T, Đ, H2 và H1 đánh bạc đến khoảng 16h00' cùng ngày thì có Nguyễn Phương N, sinh năm 1997, trú tại xã Đ, huyện D, tỉnh P đến quán game chơi. N thấy 06 đối tượng trên đang đánh bạc thì N xin tham gia chơi cùng (về hình thức chơi và mức đặt cửa không thay đổi). Do N không có tiền nên đã hỏi vay của Nguyễn Hồng S số tiền 3.000.000đ để đánh bạc, S đồng ý lấy ra 3.000.000đ từ trong ví cất trong người đưa cho N vay, không tính lãi. Vị trí ngồi đánh bạc như sau: Nguyễn Văn H ngồi giáp cửa ra vào phòng ngủ, bên tay phải của H là Nguyễn Hồng S, bên tay trái H là Nguyễn Phương N, tiếp theo bên tay trái N là Lê Thanh H2 lần lượt là Nguyễn Văn Đ, Trần Văn T, Lê Văn H1. Quá trình chơi bạc, đến khoảng 17h10' cùng ngày thì H1 thua hết tiền nên không chơi nữa mà ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Các đối tượng tiếp tục đánh bạc đến khoảng 17h30' cùng ngày thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P kiểm tra, phát hiện và thu giữ tại vị trí ngồi đánh bạc gồm Nguyễn Hồng S, Trần Văn T và Nguyễn Văn Đ; còn Nguyễn Văn H, Lê

Thanh H2, Lê Văn H1, Nguyễn Phương N do hoảng sợ nên đã chạy ra phòng máy tính của quán, cách vị trí đánh bạc khoảng 3m. Sau đó, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã lập biên bản sự việc và đưa các đối tượng về trụ sở làm việc. Tang vật thu giữ gồm: Thu tại chiếu bạc: 01 bộ bài lú lơ khơ 52 quân, 08 tấm thảm xốp loại thảm ghép, mặt thảm có nhiều hoa văn.

- Kiểm tra thu trên người 03 đối tượng ngồi tại chiếu bạc gồm:

+ Nguyễn Hồng S số tiền 4.150.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu ghi.

+ Trần Văn T số tiền 370.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen.

+ Nguyễn Văn Đ số tiền 3.350.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng.

- Kiểm tra thu trên người 04 đối tượng có mặt tại địa điểm đánh bạc gồm:

+ Lê Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu ghi đen.

+ Lê Thanh H2 số tiền 300.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen.

+ Nguyễn Văn H số tiền 9.300.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng.

+ Nguyễn Phương N số tiền 3.300.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng.

Kết quả điều tra xác định số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Trước khi đánh bạc, Nguyễn Hồng S có số tiền 4.500.000đ, S cho N vay số tiền 3.000.000đ (không tính lãi), còn số tiền 1.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị phát hiện thu giữ trên người S số tiền là 4.150.000đ, thắng bạc số tiền 2.650.000đ. Trần Văn T sử dụng số tiền 2.310.000đ vào việc đánh bạc, khi bị phát hiện đã thu giữ của T số tiền 370.000đ, T thua bạc số tiền 1.940.000đ. Nguyễn Văn Đ sử dụng số tiền 3.000.000đ vào việc đánh bạc, khi bị phát hiện đã thu giữ trên người Đ số tiền 3.350.000đ, Đ thắng bạc số tiền 350.000đ. Lê Văn H1 sử dụng số tiền 2.510.000đ vào việc đánh bạc, khi bị phát hiện, H1 đã thua hết số tiền 2.510.000đ. Lê Thanh H2 sử dụng số tiền 300.000đ vào việc đánh bạc, khi bị phát hiện thu giữ của H2 số tiền 300.000đ, H2 không thắng, không thua. Khi đến quán để chơi Game, Nguyễn Văn H có 8.150.000đ, Hoà lấy ra số tiền 1.000.000đ để trước vị trí ngồi để đánh bạc, còn số tiền 7.150.000đ cất trong túi quần, để trả nợ, không sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị phát hiện thu giữ trên người H tổng số tiền 9.300.000đ, H thắng bạc số tiền 1.150.000đ. Nguyễn Phương N có số tiền 3.000.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị phát hiện thu giữ trên người N số tiền 3.300.000đ, N thắng bạc 300.000đ.

Đối với tổng số tiền 8.150.000đ mà Nguyễn Văn H mang đi trước khi đánh bạc,

kết quả điều tra xác định: Ngày 07/7/2021, Hoà và chị Trần Thị T, sinh năm 1995, ở thôn B, xã Đ, huyện D là vợ của Hoà mua xe máy điện với giá 18 triệu đồng tại Cửa hàng X ở xã A, huyện D để phục vụ đi lại (tiền mua xe có 10.000.000đ là của vợ chồng Hoà, còn 8.000.000đ là tiền vay của ông Trần Hồng S, sinh năm 1964, ở xã K, huyện D là bố vợ của Hoà). Sáng ngày 25/7/2021, chị Tđưa cho H số tiền 8.000.000đ và bảo H đem đến trả cho ông Sinh nhưng H chưa gặp được ông S thì H đã vào quán game của S để chơi Game. Tại quán Game, H thấy các đối tượng đánh "Liêng" nên đã bỏ ra 1.000.000đ trong số tiền mang theo để tham gia đánh bạc. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Cửa hàng X, đã lấy lời khai của chị T, ông S, có căn cứ xác định việc H khai như đã nêu trên là đúng.

Như vậy, tổng số tiền đã thu giữ là 20.770.000đ, có đủ cơ sở xác định số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 13.620.000đ, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 7.150.000đ không dùng vào việc đánh bạc cần trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 08 chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Hồng S, Trần Văn T, Nguyễn Văn Hoà, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn H1, Lê Thanh H2 và Nguyễn Phương N (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ), kết quả điều tra xác định số điện thoại này đều được sử dụng vào mục đích liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của các đối tượng nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 08 miếng thảm xốp của gia đình S và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân mà Cơ quan Công an đã thu giữ. Kết quả điều tra xác định đây là các công cụ phạm tội đã dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng số 80/CT-VKS-P2 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã truy tố Nguyễn Hồng S, Trần Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn H1, Lê Thanh H2 và Nguyễn Phương N về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Trần Văn T xuất trình cho Hội đồng xét xử giấy khen của Giám đốc Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh P tặng giấy khen năm 2013 do có thành tích xuất sắc năm 2012 và đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn của UBND xã H; bị cáo Nguyễn Văn H có đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn của UBND Đ và ông ngoại Lê Minh được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng S, Trần Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn H1, Lê Thanh H2 và Nguyễn Phương N về tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản

3 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

+ Trần Văn T từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án.

+ Nguyễn Văn H từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án.

+ Nguyễn Phương N, mỗi bị cáo từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Văn H1, Lê Thanh H2 mỗi bị cáo từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 phạt tiền đối với mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.620.000đ các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc;

- Trả lại 08 chiếc điện thu giữ của Nguyễn Hồng S, Trần Văn T, Nguyễn Văn Hoà, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn H1, Lê Thanh H2 và Nguyễn Phương N (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu huỷ với 08 miếng thảm xốp của gia đình S và 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân mà Cơ quan Công an đã thu giữ.

- Trả lại số tiền 7.150.000đ cho bị cáo Nguyễn Văn Hoà nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã truy tố và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản sự việc do Công an tỉnh P lập hồi 17 giờ 45 phút ngày 25 tháng 7 năm 2021; phù hợp với lời khai của người chứng kiến và còn được chứng minh bằng các tài liệu khác thu thập trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Hồng S, Trần Văn T, Nguyễn Văn Hoà, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn H1, Lê Thanh H2 và Nguyễn Phương N phạm tội đánh bạc như nội dung đã nêu trên. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P truy tố bị cáo ra trước tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 như sau.

Điều 321 quy định: *"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hoặc hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ ..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, vì hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là nguyên nhân của các tội phạm khác. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung và giáo dục bị cáo trở hành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và các tình tiết tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy:

Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong vụ án này Nguyễn Hồng S là người phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án vì mặc dù S không rủ các đối tượng đến đánh bạc nhưng S đã cho các đối tượng đánh bạc tại quán Game của S và bản thân S cũng là con bạc tích cực (S sử dụng 1.500.000đ vào việc đánh bạc). Trần Văn T, Nguyễn Văn H đều đã từng bị Cơ quan Công an xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, do thiếu sự rèn luyện, tu dưỡng bản thân bị cáo T, H đã phạm tội đánh bạc, trong đó bị cáo T từng là Công an nhân dân, hành vi phạm tội của T đã gây ảnh hưởng đến danh sự, uy tín của ngành Công an (T sử dụng 2.300.000đ vào việc đánh bạc; H sử dụng 1.000.000đ vào việc

đánh bạc). T, H phải chịu mức án nghiêm khắc sau S. Các bị cáo Đ, H1, H2, N cũng là những con bạc tích cực (Trong đó Đ sử dụng 3.000.000đ vào việc đánh bạc, H1 sử dụng 2.510.000đ vào việc đánh bạc, H2 sử dụng 300.000đ vào việc đánh bạc và N sử dụng 3.000.000đ vào việc đánh bạc) nhưng đều có nhân thân tốt nên mức hình phạt áp dụng nhẹ hơn ba bị cáo trên.

Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần vì các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường ít nghiêm trọng; trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã khai báo thành khẩn để mong được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng được áp dụng đối với các bị cáo là điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Ngoài ra một số bị cáo còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cụ thể: Trần Văn T được Giám đốc Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh P tặng giấy khen năm 2013; bị cáo Nguyễn Văn H có đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn; Bị cáo Nguyễn Phương N có thời gian phục vụ quân đội.

Do các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mức độ phạm tội không lớn; các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào và có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo T và bị cáo H đã từng bị xử lý vi phạm hành chính nhưng thời gian đã lâu. Vì vậy có thể xem xét cho các bị cáo hưởng án treo, với sự giúp đỡ của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Mức án mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

[5] *Về xử lý vật chứng của vụ án*:

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về xử lý vật chứng vì đề nghị này đúng quy định.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Do các bị cáo đều là người lao động, có thu nhập vì vậy cần phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung công quỹ Nhà nước, trong đó bị cáo T, H2 đã từng bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, vì vậy mức phạt là cao nhất để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị Tòa án tuyên bố có tội nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng S, Trần Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn H1, Lê Thanh H2 và Nguyễn Phương N phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Hồng S từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là

02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trần Văn T, 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án

- Nguyễn Văn H, 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

- Nguyễn Phương N 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể tính từ ngày tuyên án.

- Lê Văn H1 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể tính từ ngày tuyên án.

- Lê Thanh H2 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015: Phạt tiền đối với bị cáo S 12.000.000đ; phạt tiền đối với bị cáo T, H mỗi bị cáo 15.000.000đ; phạt tiền đối với các bị cáo Đ, H1, H2 và N mỗi bị cáo 10.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có tên nêu trên, cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.620.000đ các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc;

- Trả lại 08 chiếc điện thu giữ của Nguyễn Hồng S, Trần Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn H1, Lê Thanh H2 và Nguyễn Phương N (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu huỷ với 08 miếng thảm xốp của gia đình S và 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân mà Cơ quan Công an đã thu giữ.

- Trả lại số tiền 7.150.000đ cho Nguyễn Văn Hoà nhưng tiếp tục tạm giữ để

đảm bảo thi hành án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Công an tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + Toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thanh